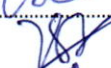
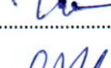
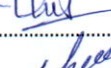
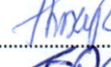
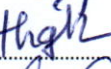
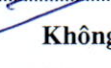
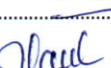
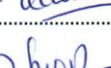


*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K5, TẠI HUYỆN LẮK, KHÓA HỌC 2023- 2025
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC**

Phần học: E.I. Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương

Ngày thi: Ngày 01 tháng 12 năm 2024;

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Phan Ngọc Bình	30/01/1987	02		56	70	Đạt
2	Phạm Thái Bình	09/8/1986	02		16	70	Đạt
3	Y Dim Bkrông	04/10/1982	02		55	70	Đạt
4	H Lin Buộc	06/02/1989	02		33	70	Đạt
5	Y Lập Buôn	24/4/1984	02		20	70	Đạt
6	H Lát Buôn Krông	05/8/1989	02		3	725	Đạt, hầu năm
7	Đoàn Quang Chung	07/01/1985	02		71	70	Đạt
8	Hoàng Thị Diệp	18/6/1985	02		57	75	Đạt, năm
9	Y Pren Drang	07/5/1974	02		6	70	Đạt
10	H Nghiệp Du	12/7/1981	02		26	775	Đạt, hầu năm
11	Hồ Ngọc Dũng	14/10/1986	02		15	70	Đạt
12	Hoàng Văn Đạo	03/11/1980	02		35	825	Tạm, hầu năm
13	Trần Minh Điền	24/9/1986	Không đủ điều kiện thi do vắng trên 25% phần học.				
14	Phạm Viết Đồng	06/11/1984	02		62	70	Đạt
15	Hoàng Thị Hà	25/11/1988	02		58	75	Đạt, năm
16	Đặng Thị Mỹ Hạnh	19/9/1986	02		75	70	Đạt
17	Bùi Lam Hạnh	22/6/1984	02		39	80	Tạm
18	Hà Thị Hiền	27/11/1981	02		36	75	Đạt, năm
19	Phan Quốc Hiệp	20/12/1987	02		40	70	Đạt
20	Võ Thị Ngọc Hiệp	14/4/1988	02		18	725	Đạt, hầu năm
21	Phan Phúc Hiếu	08/02/1977	02		23	70	Đạt
22	H Núi Hlong	08/8/1988	02		14	775	Đạt, hầu năm

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
23	H Mal	Hmok	08/3/1978	02	<i>[Signature]</i>	32	80	Tạm
24	Nguyễn Văn	Hoàn	10/5/1987	02	<i>[Signature]</i>	50	70	Bảy
25	Phạm Thị Ngọc	Hồng	17/12/1989	03	<i>[Signature]</i>	48	85	Tám, năm
26	Phạm Công	Hùng	24/10/1980	02	<i>[Signature]</i>	53	70	Bảy
27	Nguyễn Đình	Hung	24/4/1981	02	<i>[Signature]</i>	19	70	Bảy
28	Bùi Thị Ánh	Hường	10/4/1989	02	<i>[Signature]</i>	38	75	Bảy, năm
29	Đoàn Thị	Huyền	06/5/1990	02	<i>[Signature]</i>	5	75	Bảy, năm
30	Y Sem	Ja	03/12/1972	02	<i>[Signature]</i>	54	70	Bảy
31	Nguyễn Đắc	Khang	19/02/1985	02	<i>[Signature]</i>	24	725	Bảy, hai, năm
32	Nguyễn Thị	Kiều	26/3/1987	02	<i>[Signature]</i>	67	70	Bảy
33	Y Thiêm	Knul	25/5/1987	02	<i>[Signature]</i>	17	725	Bảy, hai, năm
34	Võ Văn	Kỳ	30/6/1980	02	<i>[Signature]</i>	66	70	Bảy
35	Nguyễn Thị Ngọc Lan		02/10/85	02	<i>[Signature]</i>	8	70	Bảy
36	Trương văn	Lâm	11/02/1982	02	<i>[Signature]</i>	59	70	Bảy
37	Nguyễn Bá	Liêm	30/7/1982	02	<i>[Signature]</i>	49	75	Bảy, năm
38	Trà Thị	Linh	10/8/1985	02	<i>[Signature]</i>	37	70	Bảy
39	Bùi Văn	Lộc	04/01/1978	02	<i>[Signature]</i>	42	70	Bảy
40	Lê Thị	Lý	23/01/1989	02	<i>[Signature]</i>	52	80	Tám
41	Nguyễn Thị Tuyết Mai		21/12/1985	03	<i>[Signature]</i>	2	80	Tám
42	Nguyễn Anh	Mười	25/12/1976	02	<i>[Signature]</i>	34	70	Bảy
43	Nguyễn Thị	Ngân	06/5/1988	02	<i>[Signature]</i>	43	70	Bảy
44	Dương Thị Mỹ	Nghĩa	06/01/1978	02	<i>[Signature]</i>	74	75	Bảy, năm
45	Trần Văn	Nguyễn	05/5/1982	03	<i>[Signature]</i>	51	85	Tám, năm
46	Trần Thanh	Nha	04/10/1988	02	<i>[Signature]</i>	25	725	Bảy, hai, năm
47	Thái Thị	Nhàn	15/7/1978	Đã có quyết định thôi học và bảo lưu kết quả học tập (Số Quyết định 498-QĐ/TCT, ngày 03/7/2024)				
48	Nguyễn Văn	Nhân	29/9/1977	02	<i>[Signature]</i>	76	70	Bảy
49	Nguyễn Thị	Nhung	09/11/1982	02	<i>[Signature]</i>	73	80	Tám

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
50	H Thương	Niê	15/10/1989	03		48	80	Tam
51	Y Ninh	Niê Kdăm	03/5/1982	03		28	70	Bảy
52	Y Dương	Nỡm	10/11/1986	02		4	75	Bảy, năm
53	Nguyễn Thị	Nương	16/7/1990	02		70	75	Bảy, năm
54	H Srông	Ông	11/7/1988	02		65	80	Tam
55	H Rôza	Ông	01/8/1985	02		60	75	Bảy, năm
56	H Bép	Pang Ting	16/10/1989	02		30	80	Tam
57	Bùi Văn	Phuong	26/5/1980	02		22	75	Bảy, hai năm
58	Lê Thị Hồng	Quế	10/12/1980	02		8	80	Tam
59	Y Dinh	Rơ Luk	09/3/1988	02		72	70	Bảy
60	Nguyễn Tiến	Tâm	24/02/1979	02		62	70	Bảy
61	Nguyễn Văn	Tâm	29/7/1987	03		28	75	Bảy, năm
62	Nguyễn Thị Lệ	Tâm	27/5/1990	02		31	70	Bảy
63	Hoàng Thị Hồng	Thái	20/9/1984	02		12	75	Bảy, bảy năm
64	Nguyễn Thị	Thái	20/6/1989	02		9	75	Bảy, năm
65	Nguyễn Đình	Thân	25/8/1976	02		11	75	Bảy, hai năm
66	Lê Văn	Thành	17/02/1980	02		21	70	Bảy
67	Nguyễn Thanh	Thạnh	10/4/1987	02		13	75	Bảy, bảy năm
68	Ngô Thị	Thương	10/7/1989	02		41	75	Bảy, năm
69	Đặng Thị Hồng	Thúy	05/8/1985	02		44	75	Bảy, năm
70	Bùi Thị	Thủy	01/11/1983	02		29	70	Bảy
71	Lê Thị	Thủy	24/10/1987	Đã có quyết định thôi học (Số Quyết định 499-QĐ/TCT, ngày 03/7/2024)				
72	Nguyễn Thanh	Tiến	09/9/1987	02		63	70	Bảy
73	Vũ Huyền	Trang	30/12/1985	02		61	70	Bảy
74	Đỗ Thị Mỹ	Trinh	09/01/1986	02		10	75	Bảy, năm
75	Y Huỳnh	Uông	21/7/1989	02		69	70	Bảy
76	Nguyễn Đức	Vinh	10/4/1987	02		46	70	Bảy

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
77	Trịnh Thị Anh Vũ	01/01/1990	02		45	70	65
78	Đặng Quốc Vương	20/12/1982	Đã có quyết định thôi học (Số Quyết định 499-QĐ/TCT, ngày 03/7/2024)				
79	Trần Thị Kim Xuyên	12/11/1986	02		64	75	65, năm
80	Tô Thị Thu Yên	27/11/1979	03		1	75	65, năm

Tổng số học viên theo danh sách: 80.... học viên;
Số học viên đủ điều kiện dự thi: 76.... học viên;
Số học viên không đủ điều kiện dự thi: 04.... học viên;
Số học viên vắng thi: 04.... học viên;
Số bài thi hiện có: 76..... bài/..... 159.... tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Ra Lan Nguyệt

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Ngày: 13...tháng 12...năm 2024

Phạm Văn Dương

P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Bích Hà



Nguyễn Thành Dũng

CÁN BỘ COI THI 02

Anna Ne Kdâm

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ngày: 12...tháng 12...năm 2024

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

TS. Lê Duyên Hà

